PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

(Kèm theo quyết định số: 3447 ***/QĐ - VPCNCLQG ngày*** *10* ***tháng 11 năm 2026***
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

Tên tổ chức giám định :	**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIA CÔNG VÀ THỬ NGHIỆM VŨNG TÀU**
Name of Inspection Body:	***VUNG TAU TESTING SERVICES JOINT STOCK COMPANY***
Mã hiệu công nhận *Accreditation Code*:	**VIAS 080**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria:*	**ISO/IEC 17020:2012**
Địa chỉ trụ sở chính:	**75/16 Phạm Hồng Thái, phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh**
Head office address:	***75/16 Pham Hong Thai Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City***
Địa điểm công nhận :	**631 Bình Giã, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh**
Accredited locations:	***631 Binh Gia Street, Binh Gia Ward, Ho Chi Minh City***
Điện thoại/ *Tel*:	**(+84)2543 807 638**
Email:	**infor@vungtaulab.com** Website: **vungtaulab.com**
Loại tổ chức giám định :	**Loại A**
Type of Inspection:	***Type A***
Người đại diện :	**Vũ Đức Thuân**
Authorized Person:	***Vu Duc Thuan***
Hiệu lực công nhận / *Period of Validation:*	**Từ ngày** *10* **/11/2026 đến ngày** *09* **/11/2031**

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

PHẠM VI CÔNG NHẬN
Scope of Accreditation

Lĩnh vực giám định *Field of Inspection*	**Nội dung giám định** *Type and Range of Inspection*	**Phương pháp và/hoặc quy trình giám định** *Inspection Methods and Procedures*	**Địa điểm và /hoặc bộ phận liên quan** *Location(s) and/or relating division(s)*
Giám định kỹ thuật - Kết cấu thép - Thiết bị áp lực - Đường ống công nghệ - Bồn, bình, bể chứa - Nồi hơi ***Engineering inspection*** - *Structure steel* - *Pressure equipment* - *Piping process* - *Tank, Vessel, Boiler* - *Pressure vesel*	- Chứng kiến và xem xét báo cáo chứng nhận quy trình hàn. - Kiểm tra tay nghề thợ hàn, thợ vận hành máy hàn. - Quy trình kiểm tra bằng mắt - *Witness and review report for welding procedure qualification* - *Welder and welding operator performance qualification* - *Visual inspection procedure*	VTS-QT-GD-01 (2026) VTS-QT-GD-02 (2026) VTS-QT-GD-13 (2026)	Phòng giám định / *Inspection department*
	- Giám sát quá trình hàn, giám sát quá trình gia công chế tạo. - Chứng kiến thử áp lực - Giám sát quá trình sơn chứng kiến sơn thử quy trình sơn. - Chứng kiến thử nghiệm NDT (RI – đọc phim, UT, PT, MT) - *Monitoring the welding process, monitoring the manufacturing process* - *Witness hydro test* - *Monitoring painting process and witness the painting test panel qualification.* - *Witness NDT (RI - Radiographic Interpretation, UT, PT, MT)*	VTS-QT-GD-03 (2026) VTS-QT-GD-04 (2026) VTS-QT-GD-05 (2026) VTS-QT-GD-06 (2026) VTS-QT-GD-07 (2026) VTS-QT-GD-08 (2026) VTS-QT-GD-09 (2026)	Phòng giám định / *Inspection department*

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

Lĩnh vực giám định *Field of Inspection*	**Nội dung giám định** *Type and Range of Inspection*	**Phương pháp và/hoặc quy trình giám định** *Inspection Methods and Procedures*	**Địa điểm và /hoặc bộ phận liên quan** *Location(s) and/or relating division(s)*
Vật liệu kim loại - Thép tấm - Thép ống - Thép hình - Ống thủy lực, mặt bích và phụ kiện thủy lực ***Metal material*** - *Steel plate* - *Steel pipe* - *Steel shape* - *Hydraulic tube, flanges and fittings*	- Kiểm đếm số lượng; kiểm tra kích thước hình học; xác định định sự phù hợp của vật tư so với yêu cầu của khách hàng; Chứng kiến lấy mẫu; Chứng kiến thử cơ tính và kiểm tra thành phần hóa học *Quantity; dimension check; determine the specification of items follow the requirements of the client; witnessing sampling; witnessing mechanical and chemical composition testing comply with client's specification.*	VTS-QT-GD-10 (2026)	Phòng giám định / *Inspection department*

Ghi chú/ Note:

- VTS-QT-GD -aa: Phương pháp và / hoặc Quy trình giám định do tổ chức giám định xây dựng */ IB's developed methods and procedures*
- Trường hợp Công ty cổ phần dịch vụ gia công và thử nghiệm Vũng Tàu cung cấp dịch vụ giám định thì Công ty phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the Vung Tau testing services joint stock company that provides the inspection services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP VÀ / HOẶC QUY TRÌNH GIÁM ĐỊNH
List of Inspection Methods and / or procedures

STT	Tên phương pháp và/hoặc quy trình giám định *Name of inspection methods/ procedures*	Mã hiệu phương pháp / qui trình giám định, lần và/hoặc năm ban hành *Code of inspection methods/ procedures, issued version and/or year*
1.	Quy trình chứng nhận năng lực thợ hàn *Certify welder and welding operator performance procedure*	VTS-QT-GD-01 (2026)
2.	Quy trình phê chuẩn quy trình hàn *PQR/WPS approval procedure*	VTS-QT-GD-02 (2026)
3.	Quy trình chứng kiến thử nghiệm từ tính *Procedure for witnessing magnetic particle testing*	VTS-QT-GD-03 (2026)
4.	Quy trình chứng kiến thử nghiệm siêu âm *Procedure for witnessing ultrasonic testing*	VTS-QT-GD-04 (2026
5.	Quy trình chứng kiến thử nghiệm thẩm thấu chất lỏng *Procedure for witnessing liquid penetration testing*	VTS-QT-GD-05 (2026)
6.	Quy trình chứng kiến giải đoán ảnh phóng xạ *Procedure for verifying interpreting radiographic films*	VTS-QT-GD-06 (2026)
7.	Quy trình kiểm tra thử áp lực *Pressure testing inspection procedure*	VTS-QT-GD-07 (2026)
8.	Quy trình kiểm tra công việc sơn *Painting inspection procedure*	VTS-QT-GD-08 (2026)
9.	Quy trình kiểm tra công việc hàn *Weld constructions inspection procedure*	VTS-QT-GD-09 (2026)
10.	Quy trình giám định vật tư *Material inspection procedure*	VTS-QT-GD-10 (2026)
11.	Quy trình giám sát kiểm tra bằng mắt *Visual inspection procedure*	VTS-QT-GD-13 (2026)